

Bản án số: 247/2025/HC - PT

Ngày: 20/5/2025

*V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử phạt vi phạm hành
chính, cưỡng chế và quyết định giải
quyết khiếu nại”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tồn

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 96/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1169/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1935. Địa chỉ: **8 N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông **Phạm Thanh P**, sinh năm 1966; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông **Phạm Thanh K**, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: **5 đường L, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

Ông **Phạm Thanh P** có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N: Ông **Nguyễn Trọng T** – phó trưởng phòng quản lý đô thị thành phố N. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K: Ông **Nguyễn Xuân E** – Chuyên viên phòng quản lý nhà ở và thị trường bất động sản thuộc Sở xây dựng tỉnh K. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người kháng cáo người khởi kiện bà **Nguyễn Thị B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Bản án sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Ngày 03/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 xử phạt tiền đối với bà **Nguyễn Thị B** số tiền phạt là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và buộc tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông. Nhận thấy quyết định này ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của người sử dụng đất đã được giải quyết bằng bản án số 47/2012 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật từ năm 2012 đến nay. Bà đã 86 tuổi, già yếu, sống nhờ con cháu, bị phạt 15 triệu đồng là ngoài khả năng tài chính của bà, cạnh đó việc quy kết, xử phạt về hành vi “*Tổ chức xây dựng công trình khác không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ*” là không phù hợp với người sử dụng đất là người già yếu và việc xử phạt cũng không đúng.

Căn cứ Điều 3 Quyết định này thì bà **B** được quyền khiếu nại đối với Quyết định xử phạt này theo quy định pháp luật. Do đó, ngay sau khi nhận Quyết định, bà **B** đã có đơn khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N xem xét thụ lý đơn khiếu nại, sớm có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người già yếu theo đúng chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc xử phạt xuất phát từ yêu cầu không căn cứ của bà **H**, vì

vụ bà **H** trước đây có tranh chấp đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật năm 2012.

Theo Luật đất đai và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp đất giữa bà **H** và bà **B** đã chấm dứt bằng bản án có hiệu lực; các bên trong vụ việc này không được quyền khởi kiện lại. Năm 2016, các hộ trong tộc họ cũng đã có biên bản thỏa thuận giữa hai bên về việc trồng trụ rào ranh giới đất giữa bên. Để bảo vệ quyền sử dụng đất bà có dựng hàng rào B40 trong khuôn viên hợp pháp của mình, với nhận thức đơn giản đây không phải là xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ trong thành phố, nên không cần có giấy phép; việc dựng hàng rào không lấn chiếm đất công.

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì bà **B** nhận được Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N** về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tại điều 4 Quyết định giải thích bà được quyền khiếu nại quyết định này.

Vì vậy bà **B** có đơn khiếu nại Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N**, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N** sớm có thông báo thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà đối với Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 3/9/2020 và Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 9/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N**.

Trong đơn khiếu nại, bà **B** đã nêu rõ nguyện vọng là đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N** có quyết định thu hồi quyết định xử phạt nói trên, giữ nguyên trạng hàng rào bảo vệ đất theo mốc và ranh giới mà Tòa án đã xét xử có hiệu lực pháp luật. Bà **B** cam kết nếu có phát sinh tranh chấp ranh giới của bất cứ cá nhân nào được thụ lý giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực có nội dung xác định bà phải tháo dỡ, bà tự nguyện tháo dỡ hàng rào mà không thắc mắc khiếu nại gì.

Ngày 16/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N** ban hành quyết định số 1569/QĐ-UBND với nội dung:

Bác toàn bộ đơn khiếu nại của bà **B** ghi ngày 23/9/2020 và 28/10/2020. Không đồng ý, bà **B** có đơn khiếu nại lần hai. Ngày 27/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **K** ban hành Quyết định số 1131/QĐ- Ủy ban nhân dân về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai, công nhận nội dung quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **N** về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà **B** là đúng quy định pháp luật.

Do đó, bà **Nguyễn Thị B** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết hủy các Quyết định:

1. Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 3/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính;

2. Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 9/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

3. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1131/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

** Tại văn bản số 6520/UBND-QLĐT ngày 11/8/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:*

1. Về quá trình xử lý vi phạm hành chính:

- Ngày 14/7/2020, phòng Quản lý đô thị nhận đơn phản ánh của công dân về việc bà **Nguyễn Thị B** xây dựng hàng rào lưới B40 kết hợp trụ bê tông trái phép trên phần đất đang tranh chấp. Sau khi kiểm tra theo phản ánh thì bà **Nguyễn Thị B** có xây dựng hàng rào nêu trên vào tháng 03/2020 nhưng không xuất trình được giấy phép xây dựng và các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc xây dựng hàng rào.

- Ngày 18/8/2020, Ủy ban nhân dân phường N lập Biên bản vi phạm hành chính số 018/BB-VPHC đối với công trình hàng rào lưới B40 kết hợp trụ bê tông cốt thép của bà **Nguyễn Thị B** về hành vi vi phạm: Tổ chức thi công xây dựng công trình khác tại tổ D N, phường N, thành phố N không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

- Căn cứ theo thẩm quyền, Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 23/9/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **Nguyễn Thị B**; hình thức phạt tiền: 15,000,000 đ và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình hàng rào căn cứ theo Điểm d Khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017. Tuy nhiên, bà **Nguyễn Thị Ba K1** chấp hành tự tháo dỡ, Ủy ban nhân dân thành phố N tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của bà **Nguyễn Thị B**. Như vậy, việc lập biên bản vi

phạm hành chính, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của bà **Nguyễn Thị B** là đúng trình tự, thủ tục của Pháp luật hiện hành.

2. Về quá trình thụ lý giải quyết đơn:

Sau khi nhận quyết định xử phạt và quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân thành phố N, bà **Nguyễn Thị B** có Đơn khiếu nại ghi ngày 23/9/2020 và ngày 28/10/2020 yêu cầu hủy 02 quyết định nêu trên. Ngày 01/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Thông báo số 1709/TB-UBND về việc thụ lý đơn khiếu nại. Ngày 05/3/2021, thực hiện đối thoại làm rõ nội dung đơn. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà **Nguyễn Thị B**, qua đó bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà **Nguyễn Thị B** theo các đơn ghi ngày 23/9/2020 và ngày 28/10/2020.

- Không đồng ý với giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Ủy ban nhân dân thành phố N, bà **Nguyễn Thị B** tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) ghi ngày 20/4/2021 với nội dung khiếu nại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh K. Ngày 27/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 1131/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà **Nguyễn Thị B**; đồng thời, không công nhận đơn khiếu nại của bà **Nguyễn Thị B** ghi ngày 20/4/2021 và công nhận giữ nguyên nội dung Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Không đồng ý với giải quyết khiếu nại (lần hai) của Ủy ban nhân dân tỉnh K, bà **Nguyễn Thị B** tiếp tục có đơn khởi kiện các quyết định nêu trên đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Ủy ban nhân dân thành phố N và giải quyết khiếu nại (lần hai) của Ủy ban nhân dân tỉnh K là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Tại văn bản số 8081/UBND-NC ngày 10/8/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:*

Tháng 3 năm 2020, bà **Nguyễn Thị B** xây dựng hàng rào lưới B40 không có giấy phép xây dựng tại địa chỉ: **Tổ D N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Ủy ban nhân dân phường N đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 018/BB-VPHC ngày 18/8/2020 với hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Căn cứ theo thẩm quyền, Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020, xử phạt với mức phạt tiền là

15.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm (hàng rào lưới B40, trụ bê tông cốt thép cao 1,5 m, dài 58,7m) tại địa chỉ: **Tổ D N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Tuy nhiên, bà **Nguyễn Thị B** đã không tự nguyện tháo dỡ, vì vậy, **Ủy ban nhân dân thành phố N** đã ban hành Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả để thực hiện Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 nêu trên.

UBND thành phố N đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **Nguyễn Thị B** căn cứ theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Hàng rào lưới B40 bà **Nguyễn Thị B** xây dựng tháng 3/2020 đã hoàn thành, **Ủy ban nhân dân phường N** lập biên bản vào tháng 8/2020 vì hành vi còn trong thời hiệu xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ nên xử phạt với mức phạt tiền là 15.000.000 đồng; đồng thời, buộc tháo dỡ theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

+ Tại điểm c khoản 6 Điều 1 Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 của **Ủy ban nhân dân thành phố N**, bà **Nguyễn Thị Ba P1** tự tháo dỡ hàng rào lưới B40, tuy nhiên, do bà **Nguyễn Thị Ba K1** chấp hành nên **Ủy ban nhân dân thành phố N** đã ban hành Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 về việc cưỡng chế tháo dỡ để thực hiện Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 là đúng theo quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Như vậy, **Ủy ban nhân dân thành phố N** đã ban hành Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 và Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09/10/2020 là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà **Nguyễn Thị B** cho rằng căn cứ theo biên bản thỏa thuận về ranh giới được lập ngày 20/02/2016 giữa bà **Nguyễn Thị B** với 04 người thuộc hàng thừa kế thứ hai của tộc **D** và căn cứ theo quy định tại Điều 175 và Điều 176 của Luật Dân sự hiện hành là cơ sở để bà khởi công xây dựng mà không lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng là không đúng pháp luật vì:

Theo Luật Dân sự năm 2015 tại Điều 174: “Nghĩa vụ tôn trọng quy tắc xây dựng” tại khoản 1 quy định: "Khi xây dựng công trình, chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải tuân theo pháp luật về xây dựng...". Mặt khác, công trình hàng rào B40 không thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. Do đó, đối với công trình hàng rào trước khi khởi công xây dựng phải có giấy phép xây dựng. Như vậy, bà B tự ý khởi công xây dựng hàng rào không có giấy phép xây dựng là vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân thành phố N xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị B là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ khiếu nại của bà Nguyễn Thị B là không có cơ sở. Việc bà B khiếu nại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Tổ D N, phường N, thành phố N là sai toàn bộ.

Theo những căn cứ trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ban hành Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Tổ D N, phường N, thành phố N (lần hai) với nội dung: “Không công nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B đề ngày 20/4/2021; Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Tổ D N, phường N, thành phố N (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật”.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và công nhận Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K là đúng quy định của pháp luật.

** Tại văn bản số 1491/UBND ngày 17/9/2024, Ủy ban nhân dân phường N trình bày: ồi với nội dung quá trình lập biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng ngày 18/8/2020 đối với bà Nguyễn Thị B, Ủy ban nhân dân phường N đã cung cấp toàn bộ hồ sơ pháp lý có liên quan đến vụ án cho Tòa xem xét, thẩm định và đã có Đơn xin xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B về việc: “Yêu cầu hủy Quyết định số 5237/QĐ - XPHC ngày 03 tháng 09 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, Quyết định số 6144/QĐ-CCXP ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; Quyết định giải

quyết khiếu nại lần hai số 1311/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K”.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 21/9/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại Bản án để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện ủy quyền của bà B trình bày: đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện: giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất xây dựng hàng rào: Bản án phúc thẩm số 47/2012/DS-ST ngày 30/8/2012 của Tòa phúc thẩm tại Đà Nẵng – Tòa án nhân dân tối cao, bác kháng cáo và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 550,6m² tại tổ D, N, phường N, thành phố N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B. Năm 2016, các hộ trong tộc họ cũng đã có biên bản thỏa thuận giữa hai bên về việc trồng trụ rào ranh giới đất giữa hai bên. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị B chưa

đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai. Tháng 3/2020, bà B có xây dựng hàng rào lưới B40, trụ bê tông trong khuôn viên đất để bảo vệ thửa đất tại tổ D, N, phường N, thành phố N.

[2.2] Ngày 18/8/2020, Ủy ban nhân dân phường N đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 018/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị B với hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng vi phạm. Căn cứ theo thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020, xử phạt với mức phạt tiền là 15.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm. Bà Nguyễn Thị B đã không tự nguyện tháo dỡ các công trình trên nên ngày 09/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 6144/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả để thực hiện Quyết định số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2020 nêu trên. Xét, bà Nguyễn Thị B xây dựng hàng rào lưới B40 không thuộc trường hợp công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. Do đó, các quyết định hành chính nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Theo đó, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1131/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ.

[3] Từ các phân tích trên và tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc hủy các Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính số 5237/QĐ-XPVPHC ngày 3/9/2020, Quyết định về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 6144/QĐ-CCXP ngày 9/10/2020, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1569/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1131/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị B** là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

[6]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 46/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí phúc thẩm: bà **Nguyễn Thị B** được miễn theo quy định.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung